

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3111** /QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày **24** tháng **11** năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức**  
**trường Mầm non, Tiểu học, THCS thành phố Biên Hòa**  
**năm học 2023-2024**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính  
phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ  
trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên  
chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp  
viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công  
chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh  
Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức  
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (tại khoản 2, Điều 3 quy định trình tự, thủ tục và phân  
cấp thẩm quyền tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập được nhà  
nước đảm bảo kinh phí).*

*Căn cứ Kế hoạch số 14179/KH-UBND ngày 14/9/2023 của Ủy ban nhân dân  
thành phố Biên Hòa về việc triển khai công tác tuyển dụng viên chức các trường  
Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập ngành Giáo dục và Đào tạo thành  
phố Biên Hòa, năm học 2023-2024;*

*Căn cứ Văn bản số 15129/UBND-THNC ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân  
dân thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh thời gian tuyển dụng viên chức ngành  
giáo dục, năm học 2023-2024;*

*Căn cứ Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Ủy ban nhân  
dân thành phố Biên Hòa về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm học  
2023-2024 của trường Mầm non, Tiểu học và THCS công lập thành phố Biên Hòa;*

*Căn cứ Báo cáo số 226 /BC-PGDĐT ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Phòng  
Giáo dục và Đào tạo thành phố Biên Hòa về việc Kết quả xét tuyển dụng viên chức  
trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, năm học 2023-2024;*

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 322/TTr-PGDDT ngày 20 tháng 11 năm 2023 và đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 1032/TTr-PNV ngày 21 tháng 11 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức trường Mầm non, Tiểu học, THCS thành phố Biên Hòa năm học 2023-2024 **đối với 211 thí sinh** (danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Giao Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập ban hành các Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng năm học 2023-2024.

Giao Hội đồng tuyển dụng viên chức các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của trường, gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản đến người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký, hoàn thành tất cả các thủ tục tuyển dụng viên chức theo đúng quy định, báo cáo kết quả tiếp nhận hồ sơ trúng tuyển và nhận quyết định trúng tuyển của thí sinh về Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Hội đồng tuyển dụng viên chức các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thành phố Biên Hòa năm học 2023-2024, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các ông, bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. gmu

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ (b/c);
- CT, PCT UBND TP;
- Phòng Nội vụ TP;
- Phòng GD&ĐT TP;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH** gmu

**Đỗ Khôi Nguyên**





**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN**  
**KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TRƯỜNG MẦM, TIỂU HỌC,**  
**THCS THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, NĂM HỌC 2023-2024**

| STT | Họ và tên thí sinh |        | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường         |
|-----|--------------------|--------|---------------------------|--------------------|-----------------------|----------------|
|     | Họ và tên đệm      | Tên    |                           |                    |                       |                |
| 1   | Đàm Ngọc           | Hào    | 23/10/2000                | Nhân viên Văn thư  | 77,5                  | MG Hồ Nai      |
| 2   | Tô Thị Thu         | Xuân   | 17/01/1999                | Giáo viên Mầm non  | 93,5                  | MG Trung Dũng  |
| 3   | Lê Thị Hồng        | Thương | 07/11/1985                | Giáo viên Mầm non  | 90,5                  | MG Trung Dũng  |
| 4   | Bùi Phú Như        | Ý      | 08/12/1984                | Giáo viên Mầm non  | 88,5                  | MN An Bình     |
| 5   | Ngô Thị Ánh        | Tuyết  | 24/11/1996                | Giáo viên Mầm non  | 90                    | MN An Bình     |
| 6   | Vũ Văn             | Hương  | 16/10/1982                | Nhân viên Kế toán  | 85                    | MN An Bình     |
| 7   | Vũ Thị             | Làn    | 06/4/1987                 | Giáo viên Mầm non  | 88,0                  | MN Bửu Long    |
| 8   | Võ Kim             | Qui    | 18/12/1998                | Giáo viên mầm non  | 79                    | MN Hòa Bình    |
| 9   | Tạ Thị             | Huế    | 02/06/2001                | Giáo viên Mầm non  | 84,5                  | MN Hòa Hưng    |
| 10  | Trương Thị         | Dung   | 02/10/1990                | Giáo viên Mầm non  | 88                    | MN Hòa Hưng    |
| 11  | Cao Thị            | Hải    | 16/11/1989                | Giáo viên Mầm non  | 88                    | MN Hòa Hưng    |
| 12  | Lê Thị             | Hợp    | 12/08/1979                | Giáo viên Mầm non  | 87                    | MN Hòa Hưng    |
| 13  | Vũ Thị Kim         | Thịnh  | 10/12/1982                | Giáo viên Mầm non  | 88                    | MN Hướng Dương |
| 14  | Lê Thị             | Hằng   | 22/06/1994                | Giáo viên Mầm non  | 80                    | MN Hướng Dương |
| 15  | Trần Thị Bích      | Hà     | 10/10/1999                | Giáo viên Mầm non  | 77                    | MN Hướng Dương |
| 16  | Nguyễn Thị         | Loan   | 24/04/1995                | Giáo viên Mầm non  | 85,5                  | MN Long Bình   |
| 17  | Tiền Thị Mỹ        | Hào    | 12/05/1994                | Giáo viên Mầm non  | 85                    | MN Long Bình   |
| 18  | Trần Thị Bích      | Diệp   | 15/10/1987                | Nhân viên Văn Thư  | 82,5                  | MN Long Bình   |
| 19  | Phạm Hoài          | Linh   | 04/7/1999                 | Giáo viên Mầm non  | 81                    | MN Long Đức 3  |
| 20  | Nguyễn Thị Thuý    | Nhi    | 14/07/1992                | Giáo viên Mầm non  | 93,8                  | MN Quang Vinh  |
| 21  | Lê Diệp            | Anh    | 17/11/1991                | Giáo viên Mầm non  | 89                    | MN Tân Hạnh    |



| STT | Họ và tên thí sinh  |        | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN          | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường        |
|-----|---------------------|--------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------|
|     | Họ và tên đệm       | Tên    |                           |                             |                       |               |
| 22  | Lê Thị Kim          | Phúc   | 18/05/1990                | Giáo viên Mầm non           | 90,5                  | MN Tân Hạnh   |
| 23  | Phan Ngọc Liên      | Phương | 15/11/1998                | Giáo viên Mầm non           | 93,5                  | MN Tân Hạnh   |
| 24  | Võ Thị              | Xuyến  | 20/01/1988                | Giáo viên Mầm non           | 70                    | MN Tân Phong  |
| 25  | Trần Thị Phương     | Hào    | 17/07/1996                | Giáo viên Mầm non           | 85                    | MN Thống Nhất |
| 26  | Nguyễn Thị Ngọc     | Như    | 19/11/1990                | Giáo viên Mầm non           | 82                    | MN Thống Nhất |
| 27  | Nguyễn Thị Thanh    | Trang  | 20/05/1986                | Giáo viên Mầm non           | 81                    | MN Thống Nhất |
| 28  | Vũ Thị              | Danh   | 10/09/2002                | Giáo viên Mầm non           | 75                    | MN Thống Nhất |
| 29  | Bùi Thị Cẩm         | Vân    | 30/09/1988                | Giáo viên Mầm non           | 85                    | MN Trảng Dài  |
| 30  | Trịnh Mỹ            | Phượng | 24/07/1999                | Giáo viên Tiểu học          | 65                    | TH An Hảo     |
| 31  | Vũ Thị Thương       | Thương | 02/09/1999                | Giáo viên Tiểu học          | 70                    | TH An Hảo     |
| 32  | Phạm Nguyễn Nhã     | Trúc   | 07/01/2001                | Giáo viên Tiểu học          | 72                    | TH An Hảo     |
| 33  | Trần Thu            | Uyên   | 06/10/1998                | Giáo viên Tiểu học          | 62                    | TH An Hảo     |
| 34  | Giang Hoàng         | Son    | 02/08/1991                | Giáo viên Tin học           | 89,5                  | TH An Hảo     |
| 35  | Lê Thị Ngọc         | Mai    | 09/11/1999                | Giáo viên Tiểu học          | 85,58                 | TH An Hòa     |
| 36  | Đàm Thị Ngọc        | Anh    | 30/10/2000                | Giáo viên Tiểu học          | 81,83                 | TH An Hòa     |
| 37  | Lưu Thùy            | Dung   | 22/10/1998                | Giáo viên Tiểu học          | 73,26                 | TH An Hòa     |
| 38  | Nguyễn Thị Thanh    | Nguyệt | 28/02/2001                | Giáo viên Tiểu học          | 71,25                 | TH An Hòa     |
| 39  | Phạm Thị            | Huyền  | 27/04/2001                | Giáo viên Tiểu học          | 81,86                 | TH Bình Đa    |
| 40  | Tạ Nguyễn Khánh     | Tiên   | 09/09/2001                | Giáo viên Tổng phụ<br>trách | 72,58                 | TH Bình Đa    |
| 41  | Trương Lê Thảo      | Vy     | 07/12/2001                | Giáo viên Tiểu học          | 91                    | TH Chu Văn An |
| 42  | Nguyễn Phương       | Thanh  | 01/10/1999                | Giáo viên Tiểu học          | 89                    | TH Chu Văn An |
| 43  | Nguyễn Ngọc         | Hân    | 30/10/2001                | Giáo viên Tiểu học          | 92,5                  | TH Chu Văn An |
| 44  | Đỗ Nguyễn<br>Phương | Linh   | 14/03/2001                | Giáo viên Tiểu học          | 87,8                  | TH Chu Văn An |



| STT | Họ và tên thí sinh |        | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN  | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường               |
|-----|--------------------|--------|---------------------------|---------------------|-----------------------|----------------------|
|     | Họ và tên đệm      | Tên    |                           |                     |                       |                      |
| 45  | Nguyễn Lê Bảo      | Hân    | 26/01/1996                | Giáo viên Tiểu học  | 89                    | TH Chu Văn An        |
| 46  | Nguyễn Nữ Trâm     | Anh    | 29/09/2001                | Giáo viên Tiếng Anh | 85,5                  | TH Chu Văn An        |
| 47  | Đỗ Thị Ngọc        | Yến    | 27/10/1994                | Giáo viên TPT       | 73                    | TH Chu Văn An        |
| 48  | Bùi Thùy           | Dung   | 21/06/2000                | Giáo viên Tiểu học  | 84                    | TH Hiệp Hòa          |
| 49  | Trần Thị Thảo      | Nguyên | 29/08/1992                | Giáo viên Tiểu học  | 79                    | TH Hiệp Hòa          |
| 50  | Lê Nguyễn Anh      | Thư    | 04/02/2001                | Giáo viên Tiểu học  | 75,5                  | TH Hiệp Hòa          |
| 51  | Hà Thị Huyền       | Trang  | 16/03/2000                | Giáo viên Tiểu học  | 69,5                  | TH Hiệp Hòa          |
| 52  | Nguyễn Thị Quỳnh   | Trang  | 05/3/1999                 | Giáo viên Tiểu học  | 86,5                  | TH Hòa Bình          |
| 53  | Trịnh Thị Thanh    | Hằng   | 21/7/1998                 | Giáo viên Tiểu học  | 82,5                  | TH Hòa Bình          |
| 54  | Đinh Nhất          | Phương | 22/8/1996                 | Giáo viên Tiểu học  | 82                    | TH Hòa Bình          |
| 55  | Bùi Trần Quỳnh     | Trang  | 02/11/1999                | Giáo viên Tiếng Anh | 81,8                  | TH Hoàng Hoa Thám    |
| 56  | Nguyễn Huỳnh       | Như    | 15/12/1997                | Giáo viên Tiểu học  | 76,5                  | TH Kim Đồng          |
| 57  | Mai Ngọc Thúy      | Vy     | 24/11/1997                | Giáo viên Tiểu học  | 76,5                  | TH Kim Đồng          |
| 58  | Nguyễn Thị Minh    | Khoa   | 27/12/2001                | Giáo viên Tiểu học  | 76                    | TH Kim Đồng          |
| 59  | Tô Thị Cẩm         | Thanh  | 01/07/2001                | Giáo viên Tiểu học  | 70,5                  | TH Kim Đồng          |
| 60  | Trương Ngọc        | Ánh    | 12/03/2001                | Giáo viên Tiểu học  | 69                    | TH Kim Đồng          |
| 61  | Nguyễn Trần Lệ     | Trâm   | 18/5/1997                 | Giáo viên Tiểu học  | 68,75                 | TH Kim Đồng          |
| 62  | Đới Thị Kim        | Duyên  | 31/5/1991                 | Nhân viên Kế toán   | 65                    | TH Kim Đồng          |
| 63  | Trịnh Hoàng Lan    | Phương | 24/05/1997                | Giáo viên Tiểu học  | 81                    | TH Nguyễn Chí Thanh  |
| 64  | Dương Nam          | Trường | 10/08/1999                | Giáo viên Tiếng Anh | 81,5                  | TH Nguyễn Chí Thanh  |
| 65  | Ngô Đỗ Thanh       | Nhã    | 15/11/1995                | Giáo viên Tiếng Anh | 79,5                  | TH Nguyễn Chí Thanh  |
| 66  | Phạm Quốc Rạng     | Son    | 02/01/1983                | Nhân viên Thư viện  | 57,5                  | TH Nguyễn Du         |
| 67  | Nguyễn Thị Thanh   | Trúc   | 18/9/2001                 | Giáo viên Tiểu học  | 81                    | TH Nguyễn Đình Chiểu |



| STT | Họ và tên thí sinh |       | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN       | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường             |
|-----|--------------------|-------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------|
|     | Họ và tên đệm      | Tên   |                           |                          |                       |                    |
| 68  | Đặng Phương        | Quỳnh | 31/08/1996                | Giáo viên Tiểu học       | 82                    | TH Nguyễn Huệ      |
| 69  | Phạm Thị           | Hậu   | 16/02/1996                | Giáo viên Tiểu học       | 80,5                  | TH Nguyễn Huệ      |
| 70  | Ngô Thị            | Thu   | 18/11/1989                | Nhân viên thư viện       | 95                    | TH Nguyễn Huệ      |
| 71  | Nguyễn Mai         | Hoa   | 22/10/2001                | Giáo viên Tiếng Anh      | 85                    | TH Nguyễn Thái Học |
| 72  | Nguyễn Văn         | Thông | 05/5/2001                 | Giáo viên Tiếng Anh      | 79,88                 | TH Nguyễn Thái Học |
| 73  | Nguyễn Thị Huỳnh   | Như   | 23/02/2000                | Giáo viên Tiểu học       | 78,75                 | TH Phan Bội Châu   |
| 74  | Phan Thị           | Hiệu  | 05/10/1987                | Nhân viên Thư viện       | 87                    | TH Phan Bội Châu   |
| 75  | Thành Thị          | Lê    | 02/09/1984                | Giáo viên Tiểu học       | 91                    | TH Phù Đổng        |
| 76  | Lê Thị Hồng        | Vân   | 13/08/1998                | Giáo viên Tiếng Anh      | 90                    | TH Phù Đổng        |
| 77  | Bùi Thị            | Sinh  | 10/02/1981                | Nhân viên Văn thư        | 80                    | TH Phù Đổng        |
| 78  | Nguyễn Thị Mỹ      | Huyền | 10/6/2001                 | Giáo viên Tiểu học       | 55,375                | TH Tam Hòa         |
| 79  | Trần Thị           | Tâm   | 11/12/1981                | Nhân viên Kế toán        | 86,5                  | TH Tam Hòa         |
| 80  | Đoàn Thị Đài       | Trang | 12/10/1997                | Giáo viên Tiếng Anh      | 87,75                 | TH Tam Phước 2     |
| 81  | Phạm Nguyễn Thuận  | Anh   | 21/02/1999                | Giáo viên Tiểu học       | 79,4                  | TH Tam Phước 3     |
| 82  | Huỳnh Thị Thanh    | Nhàn  | 17/09/1998                | Giáo viên Tiếng Anh      | 80                    | TH Tam Phước 3     |
| 83  | Đoàn Thị Đài       | Trang | 12/10/1997                | Giáo viên Tiếng Anh      | 88,75                 | TH Tam Phước 4     |
| 84  | Phạm Thanh         | Thủy  | 09/01/1999                | Giáo viên Tổng phụ trách | 72,25                 | TH Tân Bửu         |
| 85  | Quế Thị            | Thanh | 26/10/1997                | Giáo viên Tiểu học       | 89,75                 | TH Tân Cang        |
| 86  | Nguyễn Thị Trà     | Giang | 10/4/2000                 | Giáo viên Tiểu học       | 85,63                 | TH Tân Cang        |
| 87  | Nguyễn Thị Đàm     | Vi    | 26/5/2001                 | Giáo viên Tiểu học       | 85                    | TH Tân Cang        |
| 88  | Nguyễn Hữu         | Dũng  | 25/10/1994                | Giáo viên Tiểu học       | 84,88                 | TH Tân Cang        |
| 89  | Đinh Tiến          | Đạt   | 26/12/1999                | Giáo viên Tiểu học       | 84,25                 | TH Tân Cang        |
| 90  | Đinh Hoàng Ngọc    | Lợi   | 20/7/1999                 | Giáo viên Tiểu học       | 77,88                 | TH Tân Cang        |



| STT | Họ và tên thí sinh      |       | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN               | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường               |
|-----|-------------------------|-------|---------------------------|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
|     | Họ và tên đệm           | Tên   |                           |                                  |                       |                      |
| 91  | Vũ Thị Thanh            | Thúy  | 04/02/2001                | Giáo viên Tiểu học               | 65,75                 | TH Tân Cang          |
| 92  | Nghiêm Thị Thanh        | Nga   | 28/12/1999                | Giáo viên Tiểu học               | 65,25                 | TH Tân Cang          |
| 93  | Trần Hoàng Đào<br>Quỳnh | Cúc   | 29/8/1998                 | Giáo viên Tiếng<br>Anh           | 82,5                  | TH Tân Cang          |
| 94  | Đinh Thị Như            | Quỳnh | 25/12/1995                | Giáo viên Tiếng<br>Anh           | 73,125                | TH Tân Cang          |
| 95  | Dương Thị Thuý          | Dương | 29/06/1999                | Giáo viên Tiểu học               | 91                    | TH Tân Hạnh          |
| 96  | Phan Thị Kim            | Huê   | 29/8/1994                 | Giáo viên Tiểu học               | 84,5                  | TH Tân Hạnh          |
| 97  | La Bảo                  | Thư   | 24/3/2000                 | Giáo viên Tiểu học               | 82,25                 | TH Tân Hạnh          |
| 98  | Bùi Mai Tuyết           | Nhi   | 05/01/1999                | Giáo viên Tiểu học               | 80,75                 | TH Tân Hạnh          |
| 99  | Tạ Nguyễn Thùy          | Linh  | 06/03/2001                | Giáo viên Tiểu học               | 89                    | TH Tân Phong 1       |
| 100 | Chu Thị Xuân            | Hường | 30/06/1992                | Giáo viên TPT                    | 52,5                  | TH Tân Phong 2       |
| 101 | Nguyễn Thị              | Hiền  | 29/01/1989                | Nhân viên Thư viện               | 80                    | TH Tân Phong 2       |
| 102 | Ngô Đức                 | Văn   | 20/10/1985                | Nhân viên Công<br>nghệ Thông tin | 100                   | TH Tân Phong 2       |
| 103 | Trần Thị                | Hoa   | 18/03/1989                | Nhân viên Văn thư                | 84                    | TH Tân Phong 2       |
| 104 | Ngũ Thị Ngọc            | Mai   | 08/12/1997                | Giáo viên Tiếng<br>Anh           | 88,25                 | TH Tân Tiến          |
| 105 | Hà Kiều                 | Anh   | 01/02/2000                | Giáo viên Tiểu học               | 96,7                  | TH Thống Nhất        |
| 106 | Nguyễn Ngọc Như         | Hiếu  | 13/02/2001                | Giáo viên Tiểu học               | 95,2                  | TH Thống Nhất        |
| 107 | Võ Thị Tuyết            | Hồng  | 16/07/1999                | Giáo viên Tiểu học               | 94,8                  | TH Thống Nhất        |
| 108 | Nguyễn Thị Lan          | Chi   | 14/03/1994                | Giáo viên Tổng phụ<br>trách      | 74,5                  | TH Trần Quốc<br>Toàn |
| 109 | Nguyễn Thị Ngọc         | Mai   | 02/05/1999                | Giáo viên Tiểu học               | 84,75                 | TH Trần Văn Ôn       |
| 110 | Vũ Nguyễn Quỳnh         | Hương | 02/08/1998                | Giáo viên Tiểu học               | 86,5                  | TH Trịnh Hoài Đức    |
| 111 | Võ Huỳnh Ngọc           | Hào   | 17/05/1997                | Giáo viên Tiểu học               | 86,25                 | TH Trịnh Hoài Đức    |
| 112 | Mai Thị                 | Tươi  | 18/02/1996                | Giáo viên Tiểu học               | 85,38                 | TH Trịnh Hoài Đức    |
| 113 | Lê Thị                  | Vân   | 10/05/1987                | Giáo viên Tiểu học               | 85,13                 | TH Trịnh Hoài Đức    |

HỌ TÊN
   
QUÂN



| STT | Họ và tên thí sinh |       | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN       | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường                 |
|-----|--------------------|-------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------|
|     | Họ và tên đệm      | Tên   |                           |                          |                       |                        |
| 114 | Phạm Thị Anh       | Thư   | 01/05/1995                | Giáo viên Tiểu học       | 84,25                 | TH Trịnh Hoài Đức      |
| 115 | Phạm Thị Quỳnh     | Anh   | 22/02/2001                | Giáo viên Tiểu học       | 84,13                 | TH Trịnh Hoài Đức      |
| 116 | Lâm Tâm            | Như   | 05/03/2001                | Giáo viên Tiểu học       | 82,50                 | TH Trịnh Hoài Đức      |
| 117 | Ngô Đỗ Thanh       | Nhã   | 15/11/1995                | Giáo viên Tiếng Anh      | 80                    | TH Võ Thị Sáu          |
| 118 | Hồ Thị             | Vương | 19/04/1995                | Giáo viên Tiểu học       | 87                    | TH Võ Thị Sáu          |
| 119 | Nguyễn Thị Thu     | Thủy  | 01/01/1999                | Giáo viên Ngữ văn        | 65,8                  | THCS Bình Đa           |
| 120 | Nguyễn Thị Hải     | Yến   | 27/10/1989                | Giáo viên Toán           | 91                    | THCS Hòa Bình          |
| 121 | Vũ Thị Kiều        | Hoa   | 16/01/1996                | Giáo viên Hóa            | 92,6                  | THCS Hòa Bình          |
| 122 | Thái Nguyễn Thành  | Đô    | 13/09/1997                | Giáo viên Tiếng Anh      | 96,7                  | THCS Hòa Bình          |
| 123 | Hồ Hoàng Đan       | Thơ   | 30/07/1993                | Giáo viên Sinh học       | 74,5                  | THCS Hòa Hưng          |
| 124 | Nguyễn Lê Kim Vân  | Anh   | 14/06/1995                | Giáo viên Ngữ văn        | 69                    | THCS Hòa Hưng          |
| 125 | Lê Văn             | Kiên  | 07/10/1992                | Giáo viên Toán           | 77                    | THCS Hoàng Diệu        |
| 126 | Nguyễn Thị         | Xuân  | 07/07/1986                | Giáo viên Vật lí         | 74                    | THCS Hoàng Diệu        |
| 127 | Nguyễn Xuân        | Sinh  | 21/02/2001                | Giáo viên Vật lý         | 81,6                  | THCS Hoàng Văn Thụ     |
| 128 | Mai Thị Lan        | Anh   | 20/01/1994                | Giáo viên Toán           | 85,9                  | THCS Lê Lợi            |
| 129 | Nguyễn Hồng Trúc   | My    | 26/04/2000                | Nhân viên Văn thư        | 80                    | THCS Lê Lợi            |
| 130 | Vũ Đức             | Thiện | 21/09/1999                | Giáo viên Tổng phụ trách | 81,6                  | THCS Lê Quang Định     |
| 131 | Lê Xuân            | Dũng  | 14/06/1999                | Giáo viên Tổng phụ trách | 73,25                 | THCS Long Bình Tân     |
| 132 | Nguyễn Phương      | Nam   | 02/11/1999                | Giáo viên Toán học       | 71,5                  | THCS Long Bình Tân     |
| 133 | Lê Thị Phương      | Chinh | 01/02/1983                | Nhân viên Văn thư        | 84,5                  | THCS Long Bình Tân     |
| 134 | Lê Văn             | Kiên  | 07/10/1992                | Giáo viên Toán           | 85,91                 | THCS Ngô Gia Tự        |
| 135 | Trần Mạnh          | Tuấn  | 10/01/1996                | Giáo viên Vật lí         | 64,5                  | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 136 | Nguyễn Thị Ngọc    | Hoà   | 11/5/1998                 | Giáo viên Ngữ văn        | 66                    | THCS Nguyễn Bình Khiêm |



| STT | Họ và tên thí sinh   |       | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN             | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường                    |
|-----|----------------------|-------|---------------------------|--------------------------------|-----------------------|---------------------------|
|     | Họ và tên đệm        | Tên   |                           |                                |                       |                           |
| 137 | Nguyễn Đăng          | Khoa  | 01/4/1985                 | Giáo viên Thể dục              | 79                    | THCS Nguyễn<br>Bỉnh Khiêm |
| 138 | Trần Nguyễn<br>Quỳnh | Như   | 06/10/2000                | Giáo viên Tiếng<br>Anh         | 55                    | THCS Nguyễn<br>Bỉnh Khiêm |
| 139 | Lù Huỳnh             | Đức   | 08/10/1999                | Giáo viên Ngữ văn              | 86,5                  | THCS Nguyễn<br>Công Trứ   |
| 140 | Phạm Thị             | Tươi  | 19/5/1988                 | Giáo viên Ngữ văn              | 81                    | THCS Nguyễn<br>Công Trứ   |
| 141 | Nguyễn Hoàng         | Huân  | 18/9/2000                 | Giáo viên Toán học             | 91,75                 | THCS Nguyễn<br>Công Trứ   |
| 142 | Nguyễn Thị           | Trang | 22/6/1991                 | Giáo viên Tiếng<br>Anh         | 93,4                  | THCS Nguyễn<br>Công Trứ   |
| 143 | Hoàng Thị Kim        | Liên  | 26/3/1986                 | Giáo viên Mỹ thuật             | 86,25                 | THCS Nguyễn<br>Công Trứ   |
| 144 | Nguyễn Huỳnh         | Vy    | 14/03/1997                | Giáo viên Ngữ Văn              | 67,9                  | THCS Nguyễn Văn<br>Trỗi   |
| 145 | Nguyễn Thị Thúy      | Nga   | 01/05/1984                | Giáo viên Công<br>nghệ         | 73                    | THCS Phước Tân 1          |
| 146 | Nguyễn Thị           | Quyên | 18/01/1990                | Giáo viên Địa Lý               | 72                    | THCS Phước Tân 1          |
| 147 | Phan Hữu             | Thọ   | 18/10/1982                | Giáo viên Địa Lý               | 59                    | THCS Phước Tân 1          |
| 148 | Nguyễn Văn           | Phiên | 15/8/1989                 | Giáo viên Giáo dục<br>thể chất | 79                    | THCS Phước Tân 1          |
| 149 | Rơ Chăm              | Loan  | 05/10/1985                | Giáo viên Lịch Sử              | 59                    | THCS Phước Tân 1          |
| 150 | Chu Thị              | Lâm   | 01/8/1990                 | Giáo viên Ngữ Văn              | 84,25                 | THCS Phước Tân 1          |
| 151 | Nguyễn Thị Thu       | Thủy  | 01/01/1999                | Giáo viên Ngữ Văn              | 74,75                 | THCS Phước Tân 1          |
| 152 | Lê Thị               | Quỳnh | 05/07/1997                | Giáo viên Ngữ Văn              | 71,5                  | THCS Phước Tân 1          |
| 153 | Nguyễn Thị           | Loan  | 03/12/1985                | Giáo viên Sinh Học             | 77,75                 | THCS Phước Tân 1          |
| 154 | Nguyễn Lê Khánh      | Ngọc  | 28/08/2001                | Giáo viên Tiếng<br>Anh         | 72,5                  | THCS Phước Tân 1          |
| 155 | Nguyễn Hữu           | Dũng  | 04/05/1999                | Giáo viên Tiếng<br>Anh         | 71                    | THCS Phước Tân 1          |
| 156 | Nguyễn Minh          | Ngọc  | 13/06/2000                | Giáo viên Toán                 | 74,25                 | THCS Phước Tân 1          |
| 157 | Đỗ Thanh             | Phong | 3/01/1995                 | Giáo viên TPT                  | 67,25                 | THCS Phước Tân 1          |
| 158 | Bùi Minh             | Giang | 16/06/1997                | Giáo viên Vật Lý               | 74                    | THCS Phước Tân 1          |
| 159 | Hồ Thị Thu           | Hà    | 15/06/1995                | Giáo viên Vật lý               | 90,75                 | THCS Phước Tân 2          |



| STT | Họ và tên thí sinh     |        | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN          | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường           |
|-----|------------------------|--------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------|
|     | Họ và tên đệm          | Tên    |                           |                             |                       |                  |
| 160 | Phạm Thị               | Dung   | 25/09/1994                | Giáo viên Hóa học           | 84                    | THCS Phước Tân 2 |
| 161 | Lê Thị Ly              | Na     | 09/12/1997                | Giáo viên Anh văn           | 75,5                  | THCS Phước Tân 2 |
| 162 | Đào Thị Thanh          | Tình   | 14/12/2000                | Giáo viên Toán              | 70,5                  | THCS Phước Tân 2 |
| 163 | Phạm Thị               | Thảo   | 09/10/1994                | Giáo viên Ngữ văn           | 65                    | THCS Phước Tân 2 |
| 164 | Lê Thị                 | Quỳnh  | 07/05/1997                | Giáo viên Tổng phụ<br>trách | 69,25                 | THCS Tam Hiệp    |
| 165 | Lê Thanh               | Hòa    | 01/12/1992                | Giáo viên Hóa học           | 85,25                 | THCS Tam Hiệp    |
| 166 | Quách Thị Kim          | Anh    | 07/06/2000                | Giáo viên Toán              | 77                    | THCS Tam Hiệp    |
| 167 | Vương Gia              | Ngọc   | 09/10/2001                | Giáo viên Tiếng<br>Anh      | 94                    | THCS Tam Phước   |
| 168 | Bùi Thị Thủy           | Tiên   | 08/09/1999                | Giáo viên Ngữ Văn           | 73,5                  | THCS Tam Phước   |
| 169 | Lê Thị Hải             | Yến    | 15/04/1993                | Giáo viên Công<br>Nghệ      | 80,5                  | THCS Tam Phước   |
| 170 | Trần Thị Hồng          | Ngân   | 21/02/1997                | Giáo viên Lịch sử           | 80,25                 | THCS Tam Phước   |
| 171 | Nguyễn Bảo             | Trường | 20/03/1994                | Giáo viên Vật lý            | 88,25                 | THCS Tam Phước   |
| 172 | Trương Tâm             | Như    | 03/09/2001                | Giáo viên Tổng phụ<br>trách | 95,5                  | THCS Tân An      |
| 173 | Nguyễn Hải             | Son    | 10/09/1985                | Giáo viên Toán              | 77,75                 | THCS Tân Hạnh    |
| 174 | Phạm Văn               | Vùng   | 26/9/1988                 | Giáo viên Hóa               | 80,75                 | THCS Tân Hạnh    |
| 175 | Nguyễn Duy             | Kha    | 06/05/2000                | Giáo viên GDTC              | 69,5                  | THCS Tân Hạnh    |
| 176 | Tào Quỳnh              | Trang  | 25/9/1999                 | Nhân viên Thiết bị          | 67,25                 | THCS Tân Hạnh    |
| 177 | Nguyễn Thị Phi         | Loan   | 17/10/1978                | Nhân viên Văn thư           | 80                    | THCS Tân Hạnh    |
| 178 | Văn Thị Phương         | Thảo   | 14/10/1982                | Nhân viên Kế toán           | 67                    | THCS Tân Hạnh    |
| 179 | Trần Mai Ngọc<br>Khánh | Vy     | 11/08/2001                | Giáo viên Toán học          | 77,5                  | THCS Tân Phong   |
| 180 | Vũ Thị Bích            | Ngọc   | 20/04/1997                | Giáo viên Hoá học           | 77,8                  | THCS Tân Phong   |
| 181 | Lương Thị Thuý         | Hằng   | 12/01/1979                | Giáo viên Sinh học          | 71,8                  | THCS Tân Phong   |
| 182 | Trần Thị Mai           | Hương  | 23/08/2001                | Giáo viên Ngữ văn           | 72,8                  | THCS Tân Phong   |



| STT | Họ và tên thí sinh |        | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN  | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường              |
|-----|--------------------|--------|---------------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
|     | Họ và tên đệm      | Tên    |                           |                     |                       |                     |
| 183 | Bùi Quốc           | Trưởng | 28/04/1984                | Giáo viên Lịch sử   | 83,6                  | THCS Tân Phong      |
| 184 | Trần Kim           | Nga    | 19/10/1984                | Giáo viên Lịch sử   | 80,7                  | THCS Tân Phong      |
| 185 | Phạm Thị           | Ngân   | 12/08/1990                | Giáo viên Lịch sử   | 71,9                  | THCS Tân Phong      |
| 186 | Trần Thị Bích      | Thanh  | 21/03/1988                | Giáo viên Địa lý    | 99                    | THCS Tân Phong      |
| 187 | Mai Thị Anh        | Thư    | 04/06/2000                | Giáo viên Tiếng Anh | 87,3                  | THCS Tân Phong      |
| 188 | Nguyễn Văn         | Thuở   | 15/04/1986                | Giáo viên Thể dục   | 87                    | THCS Tân Phong      |
| 189 | Nguyễn Thị         | Hiền   | 29/01/1989                | Nhân viên Thư viện  | 82,5                  | THCS Tân Phong      |
| 190 | Bùi Thị Hoàng      | Ánh    | 22/12/2000                | Giáo viên Tiếng Anh | 87                    | THCS Tân Tiến       |
| 191 | Nguyễn Thị         | Thanh  | 11/08/1991                | Giáo viên Lịch sử   | 90                    | THCS Tân Tiến       |
| 192 | Mai Thị Hải        | Bình   | 20/09/1995                | Nhân viên Thư viện  | 83,5                  | THCS Trảng Dài      |
| 193 | Lê Minh            | Hiền   | 13/5/1995                 | Giáo viên Tiếng Anh | 91,5                  | THCS Trảng Dài      |
| 194 | Trịnh Thị          | Hương  | 15/10/1981                | Giáo viên Công nghệ | 67,8                  | THCS Trảng Dài      |
| 195 | Nguyễn Thị         | Nhung  | 19/11/1992                | Giáo viên Lịch sử   | 89,8                  | THCS Trảng Dài      |
| 196 | Nguyễn             | Phước  | 16/08/1987                | Giáo viên Địa lý    | 88,8                  | THCS Trảng Dài      |
| 197 | Trịnh Phúc         | Thịnh  | 08/04/1989                | Giáo viên Vật lý    | 82                    | THCS Trảng Dài      |
| 198 | Lê Thị             | Thúy   | 26/10/1985                | Nhân viên Kế toán   | 85                    | THCS Trảng Dài      |
| 199 | Nguyễn Thị         | Vân    | 10/09/1987                | Giáo viên Âm nhạc   | 81                    | THCS Trảng Dài      |
| 200 | Lê Đình            | Toán   | 10/02/1982                | Giáo viên Vật lý    | 75                    | THCS Trường Sa      |
| 201 | Nguyễn             | Phước  | 16/08/1987                | Giáo viên Địa lý    | 54,5                  | THCS Trường Sa      |
| 202 | Nguyễn Thị         | Vân    | 09/10/1987                | Giáo viên Âm nhạc   | 76                    | THCS Trường Sa      |
| 203 | Đinh Thị Hồng      | Linh   | 15/07/1994                | Nhân viên Thư viện  | 80                    | THCS Trường Sa      |
| 204 | Hoàng Văn          | Viện   | 01/08/1995                | Giáo viên Âm nhạc   | 77,5                  | THCS Võ Trường Toản |
| 205 | Nguyễn Văn         | Khanh  | 09/07/1976                | Giáo viên GDCD      | 76,8                  | THCS Võ Trường Toản |



| STT | Họ và tên thí sinh |       | Ngày<br>tháng<br>năm sinh | VỊ TRÍ DỰ<br>TUYỂN | TỔNG<br>ĐIỂM<br>CHUNG | Trường                 |
|-----|--------------------|-------|---------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|
|     | Họ và tên đệm      | Tên   |                           |                    |                       |                        |
| 206 | Lưu Vũ Minh        | Tú    | 29/07/1997                | Giáo viên Hóa học  | 78,5                  | THCS Võ Trường<br>Toản |
| 207 | Phạm Thị Thanh     | Vân   | 16/03/1991                | Giáo viên Ngữ văn  | 79,8                  | THCS Võ Trường<br>Toản |
| 208 | Nguyễn Thị         | Loan  | 08/04/1993                | Giáo viên Mầm non  | 78                    | MN Hoa Sen             |
| 209 | Lại Thị Thúy       | Oanh  | 04/06/1986                | Giáo viên Mầm non  | 79                    | MN Hoa Sen             |
| 210 | Mai Thị Thanh      | Sương | 24/08/1990                | Giáo viên Mầm non  | 78                    | MN Hoa Sen             |
| 211 | Phạm Thị Nhật      | Lệ    | 06/02/1999                | Giáo viên Mầm non  | 77                    | MN Hoa Sen             |

**Tổng cộng danh sách có 211 người.**

HOA T. SEN